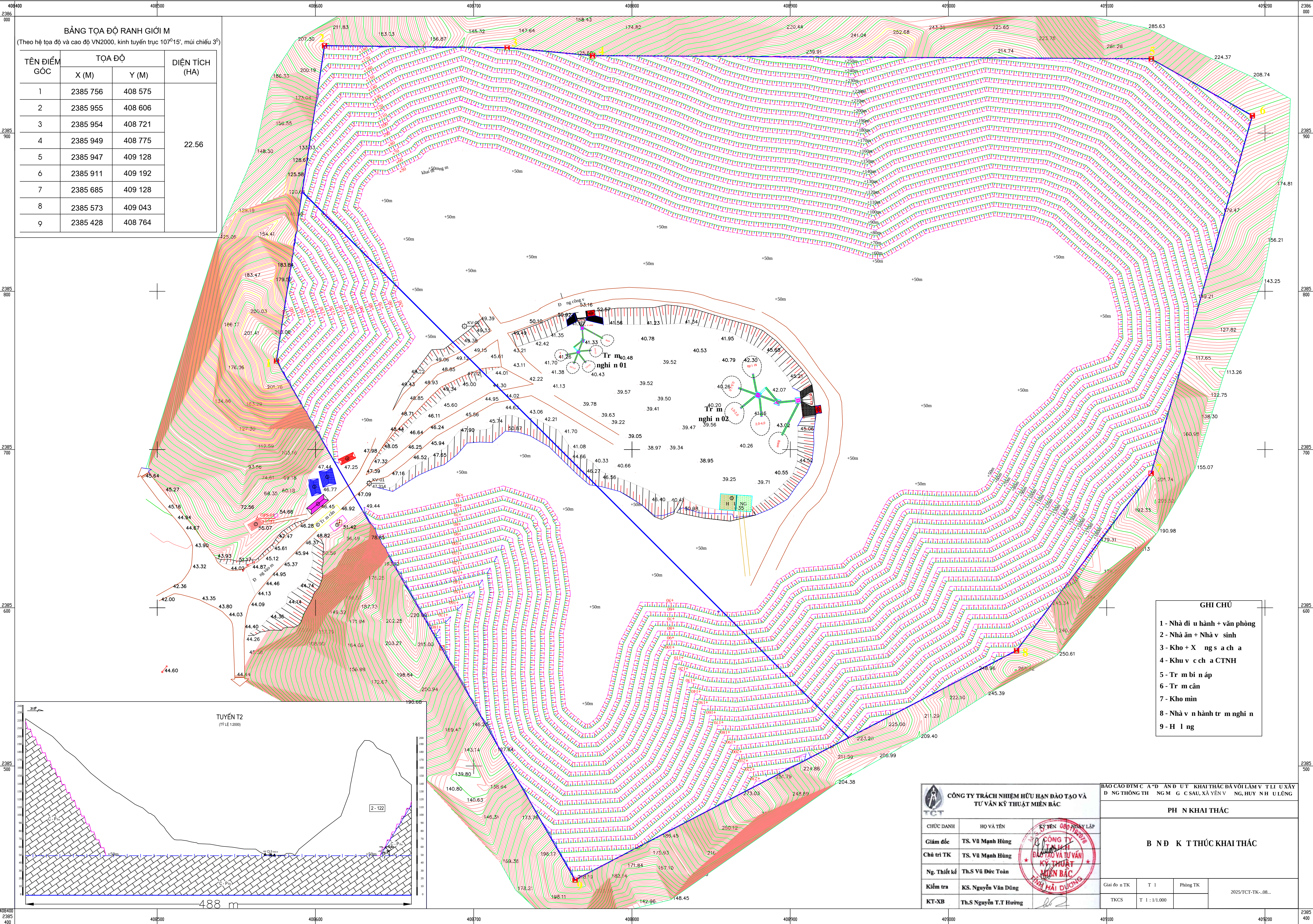




**BẢNG TỌA ĐỘ RANH GIỚI M**  
(Theo hệ tọa độ và cao độ VN2000, kinh tuyến trực 107°15', múi chiều 3<sup>0</sup>)

| TÊN ĐIỂM GÓC | TỌA ĐỘ   |         | DIỆN TÍCH (HA) |
|--------------|----------|---------|----------------|
|              | X (M)    | Y (M)   |                |
| 1            | 2385 756 | 408 575 | 22.56          |
| 2            | 2385 955 | 408 606 |                |
| 3            | 2385 954 | 408 721 |                |
| 4            | 2385 949 | 408 775 |                |
| 5            | 2385 947 | 409 128 |                |
| 6            | 2385 911 | 409 192 |                |
| 7            | 2385 685 | 409 128 |                |
| 8            | 2385 573 | 409 043 |                |
| 9            | 2385 428 | 408 764 |                |

- GHI CHÚ**
- 1 - Nhà đi u hành + văn phòng
  - 2 - Nhà ăn + Nhà v sinh
  - 3 - Kho + X ngs a ch a
  - 4 - Khu v c ch a CTNH
  - 5 - Tr m bi n áp
  - 6 - Tr m cân
  - 7 - Kho mìn
  - 8 - Nhà v n hành tr m nghi n
  - 9 - H l ng

|                                                                        |  |                                                                                                                    |  |
|------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <b>CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT MIỀN BẮC</b> |  | BẢO CAO ĐTM C A "Đ AN Đ UT KHAI THÁC ĐÁ VOILAM V TLI U XÂY Đ NG THÔNG TH NG M G C SAU, XÃ YÊN V NG, HUY N H U LÔNG |  |
| CHỨC DANH                                                              |  | PH N KHAI THÁC                                                                                                     |  |
| Giám đốc                                                               |  | B N Đ K T THỨC KHAI THÁC                                                                                           |  |
| Chủ trì TK                                                             |  | Giải đo n TK                                                                                                       |  |
| Ng. Thiết kế                                                           |  | T l                                                                                                                |  |
| Kiểm tra                                                               |  | Phòng TK                                                                                                           |  |
| KT-XB                                                                  |  | TKCS                                                                                                               |  |
|                                                                        |  | T l : 1/1.000                                                                                                      |  |
|                                                                        |  | 2025/TCT-TK-.08...                                                                                                 |  |